

【やさしい日本語、英語、中国語、ベトナム語】

がいこくじん じんせきこうげんちょう
外国人のための神石高原町
くらしのガイド

Guide to Living in Jinsekikogen Town
for Foreign Residents

为外国人提供的神石高原町生活指南

Hướng dẫn cuộc sống ở thị trấn Jinseki-kogen
dành cho người nước ngoài



神石高原町
JINSEKIKOGEN TOWN

もくじ
目次

じんせきこうげんちょう
神石高原町マップ 3

やくば てつづ
役場での 手続き 5

きんきゅう じん れんらくさき
緊急時の 連絡先 7

さいがい そな
災害に 備える 9

くらしの じょうほう
生活の 情報 17

Table Of Contents

Map of Jinseki-kogen Town 3

Procedures at Town Hall 5

Emergency Contact 7

Preparing for Disasters ... 9

Information related to
daily life 17

目录

神石高原町的地图 3

镇公所的手续 5

緊急聯絡方式 7

防备灾害 9

关于生活的信息 17

Mục lục

Bản đồ của thị trấn
Jinseki-kogen 3

Làm thủ tục ở ủy ban phường 5

Thông tin liên lạc khẩn cấp 7

Chuẩn bị cho thảm họa 9

Thông tin liên quan đến
cuộc sống 17

じんせきこうげんちょう

神石高原町マップ

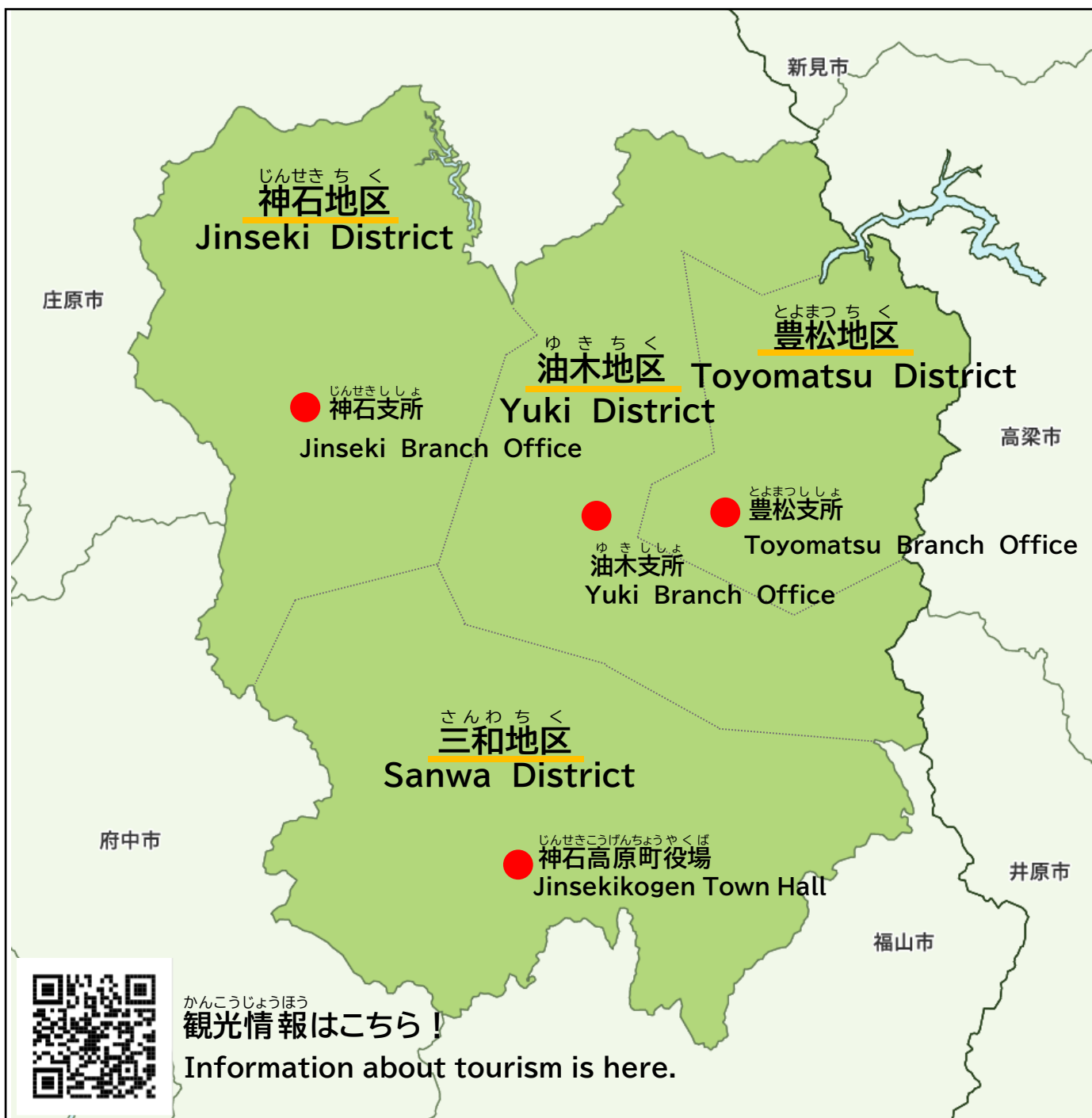
Map of Jinseki-kogen Town



たいしゃくきょうしんりゅうこ
帝釈峡神龍湖

Shinryu Lake in Taishaku Gorge

じんせきこうげんちょう
神石高原町
Jinsekikogen Town



神石高原町の地図

Bản đồ của thị trấn Jinseki-kogen



帝釈峡神龙湖

Hồ Thần Long, hẻm núi Taishaku

神石高原町 Thị trấn Jinseki-kogen



やくば てつづき 役場での手続き

Procedures at Town Hall



やくば い
役場へ行く

Go to Town Hall

じんせきこうげんちょうやくば 神石高原町役場

ばしよ 場所 〒720-1522 じんせきぐんじんせきこうげんちょう
小畠 1701 ばんち 番地

でんわ 電話 0847-89-3330 (だいひょう 代表)

ししよ 支所

ゆきししよ 【油木支所】

ばしよ 場所 〒720-1812 じんせきぐんじんせきこうげんちょう
ゆきおつ ばんち 油木乙1858番地

でんわ 電話 0847-82-0211

じんせきししよ 【神石支所】

ばしよ 場所 〒729-3511 じんせきぐんじんせきこうげんちょう
たかみつ ばんち 高光2559番地

でんわ 電話 0847-87-0211

とよまつししよ 【豊松支所】

ばしよ 場所 〒720-1704 じんせきぐんじんせきこうげんちょう
しもとよまつ ばんち 下豊松741番地

でんわ 電話 0847-84-2211

Jinsekikogen Town Hall

Address: 1701 Kobatake,
Jinseki Kogen-cho, Jinseki-gun
720-1522

Tel: 0847-89-3330

Branch Office

【Yuki Branch Office】

Address: 1858 Yukiotsu,
Jinseki Kogen-cho, Jinseki-gun
720-1812

Tel: 0847-82-0211

【Jinseki Branch Office】

Address: 2559 Takamitsu,
Jinseki Kogen-cho, Jinseki-gun
729-3511

Tel: 0847-87-0211

【Toyomatsu Branch Office】

Address: 741 Shimotoyomatsu,
Jinseki Kogen-cho, Jinseki-gun
720-1704

Tel: 0847-84-2211

镇公所的手续

Làm thủ tục tại ủy ban nhân dân



前往镇公所

神石高原镇公所

地点: 〒720-1522 神石郡神石高原镇
小畠1701号

电话: 0847-89-3330

分所

【油木分所】

地点: 〒720-1812 神石郡神石高原镇
油木1858号

电话: 0847-82-0211

【神石分所】

地点: 〒729-3511 神石郡神石高原镇
高光2559号

电话: 0847-89-0211

【豊松分所】

地点: 〒720-1704 神石郡神石高原镇
下豊松741号

电话: 0847-84-2211

Đến ủy ban nhân dân

Thị trấn Jinseki-kogen

Địa chỉ: Mã bưu điện: 720-1522
Quận Jinseki, Thị trấn
Jinsekikogen, Kobatake, số 1701

Điện thoại: 0847-89-3330

Chi nhánh

【Chi nhánh khu vực Yuki】

Địa chỉ: Mã bưu điện: 720-1812
Quận Jinseki, Thị trấn
Jinsekikogen, Yuki, số 1858
Điện thoại: 0847-82-0211

【Chi nhánh khu vực Jinseki】

Địa chỉ: Mã bưu điện: 729-3511
Quận Jinseki, Thị trấn
Jinsekikogen, Takamitsu, số 2559
Điện thoại: 0847-89-0211

【Chi nhánh khu vực Toyomatsu】

Địa chỉ: Mã bưu điện: 720-1704
Quận Jinseki, Thị trấn
Jinsekikogen, Shimotoyomatsu,
số 741
Điện thoại: 0847-84-2211

きんきゅう じ れんらくさき 緊急時の連絡先

Emergency Contact



きんきゅう じ でんわ 緊急時に電話をする

Emergency Contact Numbers

110

110

はんざい じ こ けいさつ よ ぶ 110 ばん
犯罪や事故で警察を呼ぶときは 110番に
でんわ
電話をかけます

Call 110 to report crimes and accidents to the police.

つた 【伝えること】

- なに
・何がおきたのか
- じゅうしょ たてもの なまえ
・住所や建物の名前
- じ ぶん なまえ でんわばんごう
・自分の名前と電話番号

Tell the operator the following when you call

- What happened (accident or crime)
- Location or address
- Your name and telephone number

119

119

か じ びょうき しやうぼうしや きゆうきゆうしや
火事や病気で 消防車・救急車をよぶときは
ばん でんわ
119番に 電話をかけます

Call 119 to report fires or illnesses and ask for firetrucks or ambulances.

つた 【伝えること】

- なに
・何がおきたのか
- じゅうしょ たてもの なまえ
・住所や建物の名前
- じ ぶん なまえ でんわばんごう
・自分の名前と電話番号

Tell the operator the following when you call

- What happened (accident or crime)
- Location or address
- Your name and telephone number

緊急聯絡方式



Thông tin liên lạc khẩn cấp

紧急时的报警方式

110

因犯罪、事故报警时拨打110。

请在电话里传达以下内容。

- 发生了什么(事故还是犯罪)
- 发生的地点或地址
- 自己的姓名和电话号码

119

因发生火灾、生病需要呼叫消防车、救护车时拨打119。

请在电话里传达以下内容。

- 发生了什么(火灾还是急救)
- 发生的地点或地址
- 自己的姓名和电话号码

Gọi điện thoại trong trường hợp khẩn cấp

110

Khi xảy ra tội phạm hoặc tai nạn, hãy gọi cảnh sát qua số 110.

Qua điện thoại, tôi sẽ trình bày những điều sau đây.

- Chuyện gì đã xảy ra
- Vị trí hoặc địa chỉ.
- Tên và số điện thoại của bạn.

119

Gọi 119 để báo cháy hoặc bệnh và yêu cầu xe cứu hỏa hoặc xe cứu thương.

Qua điện thoại, tôi sẽ trình bày những điều sau đây.

- Chuyện gì đã xảy ra
- Vị trí hoặc địa chỉ.
- Tên và số điện thoại của bạn.



さいがい そな 災害に備える

Preparing for Disasters



じしん そな 地震に備える

Preparing for Earthquakes

にほん じしん おお
日本は 地震が多い

Japan is an earthquake-prone nation

にほん じしん くに
日本は 地震が多い 国です。
いつも 備えておく 必要があります。

Japan is one of the most earthquake-prone countries in the world.

It is vital to gain more knowledge about earthquakes and prepare for them, such as checking the locations of evacuation areas and stockpiling supplies at home.

そな 【備えること】

- ① 家具や物が倒れないようにする
かぐ もの たお
- ② 非常持出 袋 (洋服や食べ物を入れた
ひじょうもちだしぶくろ ようふく た もの い
バック) を用意する
ようい
- ③ 避難場所 (急いで逃げる場所) や
ひなんばしょ いそ に ばしょ
避難所 (逃げてから数日間泊まる場所)
ひなんじょ に すうじつかん と ばしょ
を確認する
かくにん
- ④ 家族や友だちとの連絡の取り方の確認
かぞく とも れんらく と かた かくにん

You should also:

- ① Secure furniture to walls to prevent items from toppling
- ② Prepare an emergency supply bag
- ③ Confirm the evacuation area and shelter nearest to you
- ④ Decide with family members how to contact each other and where to evacuate to in an emergency



防备灾害

Chuẩn bị cho thảm họa



防备地震

日本是地震国家

日本是世界上地震频发的国家

平时请学习关于地震的知识, 确认各个家庭的

避难场所, 做好储备, 从事先能做的事情开始着手

- ① 将家具固定在墙上, 避免倾倒
- ② 准备紧急携带袋
- ③ 事先确认避难场所和避难所
- ④ 联系方式和去哪里避难事先和家人商量并决定好

Chuẩn bị cho động đất

Nhật Bản là một quốc gia thường xuyên xảy ra động đất

Nhật Bản là một trong những quốc gia dễ xảy ra động đất nhất trên thế giới.

Điều quan trọng là phải tìm hiểu thêm kiến thức về động đất và chuẩn bị đối phó, chẳng hạn như kiểm tra các địa điểm sơ tán và dự trữ vật phẩm cần thiết tại nhà.

- ① Cố định đồ nội thất vào tường để tránh đồ vật bị đổ
- ② Chuẩn bị túi đồ dùng khẩn cấp
- ③ Xác nhận khu vực sơ tán và nơi trú ẩn gần nhất
- ④ Thỏa thuận với các thành viên gia đình cách liên lạc và nơi sơ tán trong trường hợp khẩn cấp

じしん お 地震が起きたとき

へ や 部屋にいるとき

- つくえ 机やテーブルの下に隠れます
- ひ つか 火を使っているときは 揺れがおさまってから 火を消します
- に げんかん 逃げるために 玄関のドアを あ 開けます
- そと で 外に出るときは お 落ちてくるものがないか き 気をつけます

そと 外にいるとき

- かんばん 看板などから離れます
 - も にもつ あたま まも 持っている荷物で 頭を守ります
 - たてもの なか 建物の中にいるときは し じ ま 指示を待って 落ち着いて行動します
 - じどうしゃ みち ひだり 自動車を道の左にとめます
- カギをとりません



When an Earthquake Strikes

What to do if you are at home

- Prioritize your safety, and get under a desk or table to protect yourself from falling objects
- If you were using fire (such as for cooking), shut it off after the shaking stops
- Secure an exit, such as the front door
- Watch out for falling objects and step outside

What to do when you are out

- Stay away from power poles, billboards and other objects that may topple, and protect your head with your belongings
- If you are in a building, follow the instruction of staff members
- If you are driving, park your car on the left side of the road and evacuate on foot (leave your car keys in the car)

发生地震后

在房间里时的应对方法

- 以保护自己的生命安全为最优先, 躲到书桌或餐桌下面, 防止掉落物砸中自己。
- 用火时等晃动停止后再熄火。
- 确保玄关大门等避难的出口。
- 外出时注意高空坠物。

在外时的应对方法

- 远离电线杆、广告牌等可能倒塌的物品, 用随身携带的行李护住头部。
- 附近有耐震性高的建筑时, 逃入其中。
- 在电车或建筑内按照工作人员的指示行动。
- 开车时, 靠左停车, 放上车钥匙步行避难。

Khi động đất xảy ra

Cần làm gì nếu bạn đang ở nhà

- Ưu tiên sự an toàn của bạn, hãy chui xuống bàn hoặc bàn để bảo vệ mình khỏi các vật dụng rơi.
- Nếu bạn đang sử dụng lửa (như nấu ăn), hãy tắt nó đi sau khi đợt rung lắc kết thúc.
- Đảm bảo lối thoát, chẳng hạn như cửa chính.
- Cảnh thận với các vật dụng rơi xuống và bước ra ngoài.

Cần làm gì khi bạn ra ngoài

- Tránh xa cột điện, biển quảng cáo và các vật dụng khác có thể đổ, đồng thời bảo vệ đầu bằng đồ dùng cá nhân của bạn.
- Nếu bạn đang ở trong tòa nhà, hãy làm theo hướng dẫn của nhân viên.
- Nếu bạn đang lái xe, đỗ xe bên trái đường và sơ tán bằng cách đi bộ (để lại chìa khóa xe trong xe).



ひなんじょ に
避難所(逃げるところ)

Evacuation Shelters

If you are evacuating due to heavy rain or a major earthquake, bring your emergency supply bag and go to an evacuation shelter.

さんわ ち く
三和地区
Sanwa District

に
逃げるところ



List of evacuation
shelters



ゆき ち く
油木地区
Yuki District

に
逃げるところ



List of evacuation
shelters



じんせき ち く
神石地区
Jinseki District

に
逃げるところ



List of evacuation
shelters



とよまつ ち く
豊松地区
Toyomatsu District

に
逃げるところ



List of evacuation
shelters



避难所

发生大雨或大地震避难时，带上紧急携带袋汇集到避难所

Nơi trú ẩn sơ tán

Nếu bạn sơ tán do mưa lớn hoặc động đất lớn, hãy mang theo túi đồ khẩn cấp và đi đến nơi trú ẩn.

三和区 Quận Sanwa

避难所列表



Danh sách các nơi trú ẩn khẩn cấp



油木区 Quận Yuki

避难所列表



Danh sách các nơi trú ẩn khẩn cấp



神石区 Quận Jinseki

避难所列表



Danh sách các nơi trú ẩn khẩn cấp



豊松区 Quận Toyomatsu

避难所列表



Danh sách các nơi trú ẩn khẩn cấp



さいがい 災害のとき じょうほう に あつ 情報を集める

Collecting Information during a Disaster

ひろしまけんぼうさいじょうほう
広島県防災情報メール

Hiroshima Prefecture Disaster Information Email

※とうろく登録がひつよう必要です



Registration required



ひろしまけん どしやさいがい きけん どじょうほう
広島県土砂災害危険度情報

Hiroshima Prefecture Landslide Risk Information



じんせきこうげんちょう
神石高原町ホームページ

Jinsekikogen Town Official Website



きしやうちょう
気象庁

Japan Meteorological Agency



灾害时的信息收集

广岛县防灾信息邮件

※需要注册



Thu thập thông tin trong thời gian xảy ra thảm họa

Email thông tin phòng chống thiên tai tỉnh Hiroshima

Cần phải đăng ký.



广岛县泥石流灾害危险度信息



Thông tin mức độ nguy hiểm về sạt lở đất tỉnh Hiroshima



神石高原町官方网站



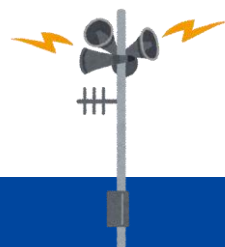
Trang web chính thức của thị trấn Jinsekikogen



日本气象厅



Cơ quan Khí tượng Nhật Bản



じょうほう くらしの情報

Information related to daily life



せいかつ 生活ガイドブック

しゅつにゆうこくざいりゅうかんりちよう がいこくじん あんしん
出入国在留管理庁が 外国人が安心して
せいかつ はたら
生活したり 働いたりするためのガイド
ブックをつく
ブックを作りました。
どうが
動画もあります。



Guidebook on Living and Working

A guidebook with information on living and working in Japan for international residents is available from the Immigration Services Agency.

It is available in your languages and has videos available.



しごと じょうほう 仕事の情報

- ① にほん はたら ひと
日本で 働くことが認められている人は
ハローワークで仕事をさが
探することができます。
- ② ろうどうじょうけん そうだん
労働条件などの相談をすることができます。

① ハローワーク 府中



② こうせいろうどうしょう
厚生労働省



Work Information

- ① If you have a valid status of residence to work in Japan, you can search for a job through Hello Work.
- ② You can consult regarding working conditions and other issues. Foreign languages available.

① Hello Work Fuchu Branch



② Ministry of Health, Labour and Welfare



关于生活的信息

Thông tin liên quan đến cuộc sống



生活指南手册

出入境在留管理厅制作了一部生活指南手册。里面记载了有关外国人在日本生活以及就业所需的信息。并且还有视频可以观看。



Sách hướng dẫn về cuộc sống và công việc

Cơ quan Dịch vụ Nhập cư cung cấp một cuốn sách hướng dẫn với thông tin về cuộc sống và công việc tại Nhật Bản dành cho cư dân quốc tế.

Tài liệu này có sẵn bằng ngôn ngữ của bạn và đi kèm với các video liên quan.



工作信息

①允许在日本就业的人，可去公共職業安定所找工作。有些时间段还有翻译人员在。

②可以商谈劳动条件等事项。可对应多种语言。

①府中分店职业介绍所



②厚生劳动省



Thông tin công việc

① Nếu bạn có tư cách lưu trú hợp lệ để làm việc tại Nhật Bản, bạn có thể tìm kiếm công việc thông qua Trung tâm Giới thiệu việc làm.

② Bạn có thể tham khảo ý kiến về điều kiện làm việc và các vấn đề khác. Có hỗ trợ bằng các ngôn ngữ nước ngoài.

①Chi nhánh Hello Work Fuchu



②Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi

